

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 17-7-2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hoàn;

2. Ông Ngô Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/QĐ-TA, ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lò Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Y; “Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. **Bị đơn:** Anh Lò Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ bản Đ, xã P, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Lò Thị H trình bày như sau:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lừu, huyện Trạm Tấu, vào ngày 12 tháng 11 năm 2015; vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T nghiện ma túy, chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi; mâu thuẫn giữa hai người đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị đề nghị được ly hôn với anh Lò Văn T.

+ Con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Lò Văn H, sinh ngày 09/5/2011 và Lò Văn T, sinh ngày 23/8/2015. Sau khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập họp lệ đối với anh Lò Văn T nhiều lần, nhưng cố ý không có mặt để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- Tại bản tự khai của 02 con là Lò Văn H và Lò Văn T các cháu đều có nguyện vọng ở cùng chị Lò Thị H sau khi bố mẹ ly hôn.

- Biên bản xác minh ngày 31/5/2024 tại bản Đ: Anh T có hộ khẩu tại bản Đ, chị H từ khi kết hôn chưa chuyển khẩu về Đ; sau khi kết hôn một thời gian thì anh T về ở nhà bố mẹ đẻ tại bản Đ, chị H cũng thỉnh thoảng về ở cùng anh T. Tại địa phương anh T thuộc đối diện nghi nghiện và trong danh sách theo dõi của Công an xã Phúc Sơn; anh T thường xuyên đi làm ăn xa nên chưa có cơ sở để xác định tình trạng nghiện của anh T. Quá trình Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tại địa phương, chính quyền địa phương đã thông báo đầy đủ cho gia đình anh T để gia đình thông báo cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án. Chị H và anh T có hai con chung, hiện đang ở cùng chị H trên huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ phát biểu quan điểm:

Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn T.

- Con chung: Giao hai cháu Lò Văn H, sinh ngày 09/5/2011 và Lò Văn T, sinh ngày 23/8/2015 cho chị Lò Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho chị Lò Thị H do là hộ cận nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tố tụng: Chị Lò Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lừu, huyện Trạm Tấu, vào ngày 12 tháng 11 năm 2015 và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa; chị H không còn yêu thương anh T. Như vậy, có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lò Văn T.

[3] Con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Lò Văn H, sinh ngày 09/5/2011 và Lò Văn T, sinh ngày 23/8/2015.

Đối với yêu cầu của chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hai con đã trên 07 tuổi đều có nguyện vọng được ở cùng chị H sau khi bố mẹ ly hôn; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị H.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H có đủ khả năng, điều kiện nuôi hai con; hơn nữa để không làm xáo trộn môi trường sống của trẻ nhỏ; đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không yêu cầu anh Lò Văn T cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Lò Thị H gia đình thuộc hộ cận nghèo của xã, chị H có đơn đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; miễn án phí cho chị H.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Con chung:

Xử giao cho chị Lò Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Lò Văn H, sinh ngày 09/5/2011 và Lò Văn T, sinh ngày 23/8/2015; anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Miễn án phí cho chị Lò Thị H; trả lại chị Hười 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0000852 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghĩa Lộ.

Anh Lò Văn T không phải chịu án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã H;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Xuân